

A vibrant nighttime photograph of the Ho Chi Minh City skyline. The image features several prominent skyscrapers, including the Bitexco Financial Tower, which is illuminated with blue and white lights. The city lights are reflected in the calm water in the foreground. Numerous colorful fireworks are exploding in the dark sky, adding a festive atmosphere to the scene. The overall color palette is dominated by the warm yellows and oranges of the city lights and the cool blues and purples of the fireworks and the tower's illumination.

Viet Nam Market Snapshot

Tháng 03.2019

VISecurities



Vĩ mô
2 tháng đầu
năm

CPI bình quân



Tháng 02.2019

▲ 0.9%

so với tháng 12/2018

▲ 2.64%

so với cùng kỳ

Lạm phát cơ bản



Tháng 02.2019

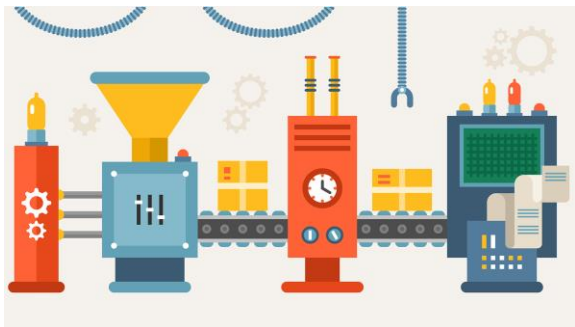
▲ 0.48%

so với tháng 1/2019

▲ 1.82%

so với cùng kỳ

Tháng 2 chỉ số CPI của 9/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tăng so với tháng trước, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Tết Nguyên đán. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng cao nhất với 1,73%, trong đó lương thực tăng 0,53%; thực phẩm tăng 2,13% làm CPI chung tăng 0,48%. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,69%, chủ yếu do giá gas tăng 3,51% (làm CPI chung tăng 0,04%) và giá điện sinh hoạt tăng 0,69%.



Chỉ số Sản xuất công nghiệp

2 tháng đầu năm 2019

▲ 9.2%

so với cùng kỳ

trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 11,5%, đóng góp 8,9 điểm phần trăm vào mức tăng chung

Một số sản phẩm công nghiệp tăng cao so với cùng kỳ:

Khí hóa lỏng (LPG) tăng 101,2%

Xăng, dầu tăng 96,1%

Sắt, thép thô tăng 75,9%

Ti vi tăng 37,1%

Ô tô tăng 15,7%

Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm:

Sữa bột tăng 0,7%

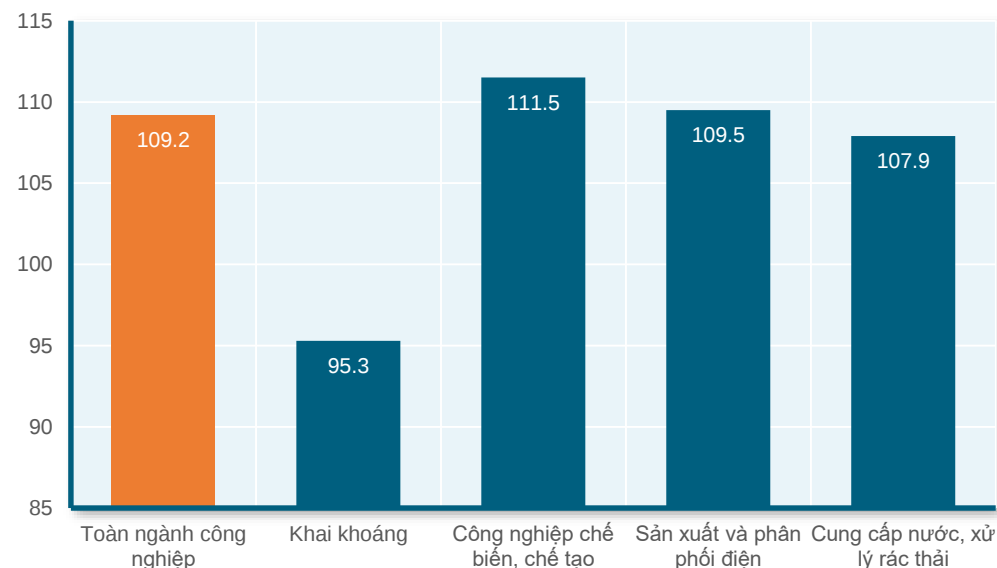
Khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 4%

Linh kiện điện thoại giảm 5,3%

Điện thoại di động giảm 7,6%

Dầu thô khai thác giảm 11,9% (cùng kỳ năm 2018 giảm 7,6%).

2 tháng 2019 so với cùng kỳ (%)





Doanh nghiệp mới đăng ký 2 tháng đầu năm 2019

15,979 đăng ký mới

giảm ▼ **14.6%** về số DN

247.4 nghìn tỷ vốn đăng ký

tăng ▲ **25.4%** về vốn

Lĩnh vực doanh nghiệp thành lập:

6,000 bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy (chiếm 37,5%), giảm 7.3%

2,100 DN công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 13%), giảm 9.4%

2,000 DN xây dựng (chiếm 12,5%), giảm 17,2%

1,300 DN khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế, quảng cáo ... (chiếm 8%), giảm 11,3%



Doanh nghiệp dừng hoạt động

13,519 tạm dừng

tăng ▲ **20.8%** so với cùng kỳ

Bán lẻ hàng hóa & Doanh thu dịch vụ tiêu dùng

2 tháng đầu năm 2019

793.7 nghìn tỷ

tăng ▲ **12.2%** so với cùng kỳ

Một số lĩnh vực có mức tăng khá:

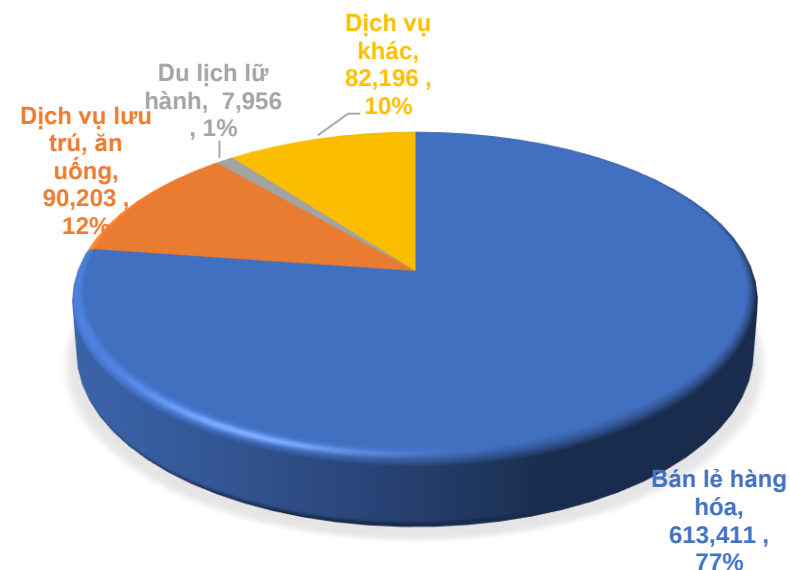
Lương thực, thực phẩm tăng 14,4%

Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 13,3%

May mặc tăng 13,2%; Phương tiện đi lại tăng 12,8%

Vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 10,7%

DỊCH VỤ BÁN LẺ (TỶ ĐỒNG)





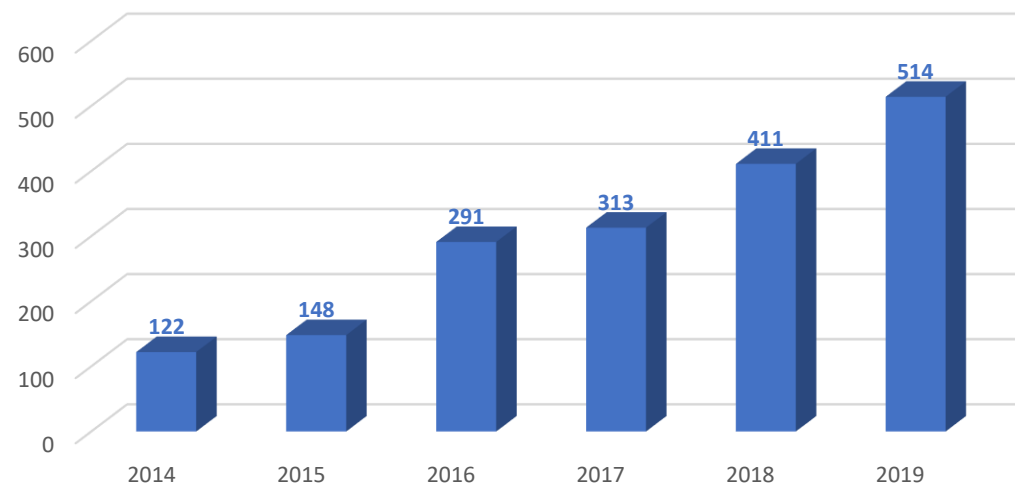
Tính đến 20/02/2019,

Tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm
và góp vốn mua cổ phần của NĐTNN

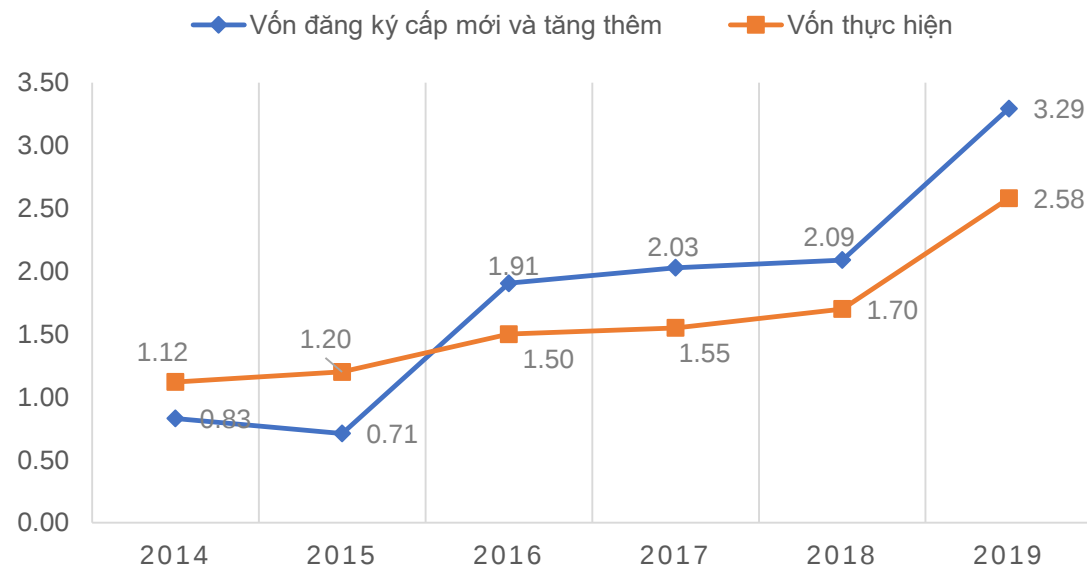
8,47 tỷ USD

tăng hơn **2,5 lần** so với cùng kỳ năm 2018.

Số dự án mới



FDI



Xuất Khẩu

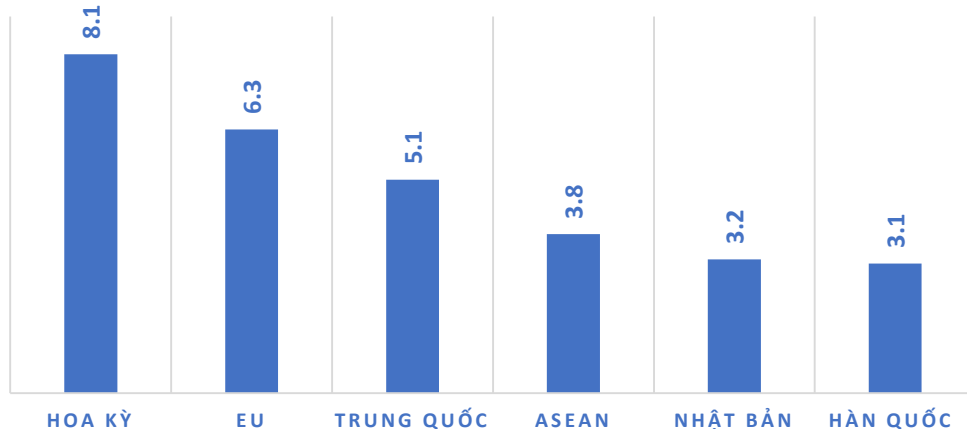
2 tháng đầu năm 2019

Xuất khẩu đạt **36,68 tỷ US**

tăng ▲ 5,9% so với cùng kỳ năm 2018

- Khu vực kinh tế trong nước đạt **10,72 tỷ USD**, tăng 9,9%;
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt **25,96 tỷ USD** (chiếm 70,8% tổng kim ngạch xuất khẩu), tăng 4,3%.

THỊ TRƯỜNG XK CHỦ LỰC (TỶ USD)



Exports



Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực:

Điện thoại và linh kiện đạt **6,8 tỷ USD**, giảm ▼ 7,3% so với cùng kỳ

Hàng dệt may đạt **4,9 tỷ USD**, tăng ▲ 19%

Điện tử, máy tính và linh kiện đạt **4,2 tỷ USD**, tăng ▲ 1,9%

Giày dép đạt **2,7 tỷ USD**, tăng ▲ 18,4%

Gỗ và sản phẩm gỗ đạt **1,4 tỷ USD**, tăng ▲ 12,7%.

Thủy sản đạt **1,1 tỷ USD**, tăng 2,3%

Rau quả đạt **555 triệu USD**, giảm ▼ 14,4%

Gạo đạt **335 triệu USD**, giảm ▼ 17,5%

Nhập Khẩu

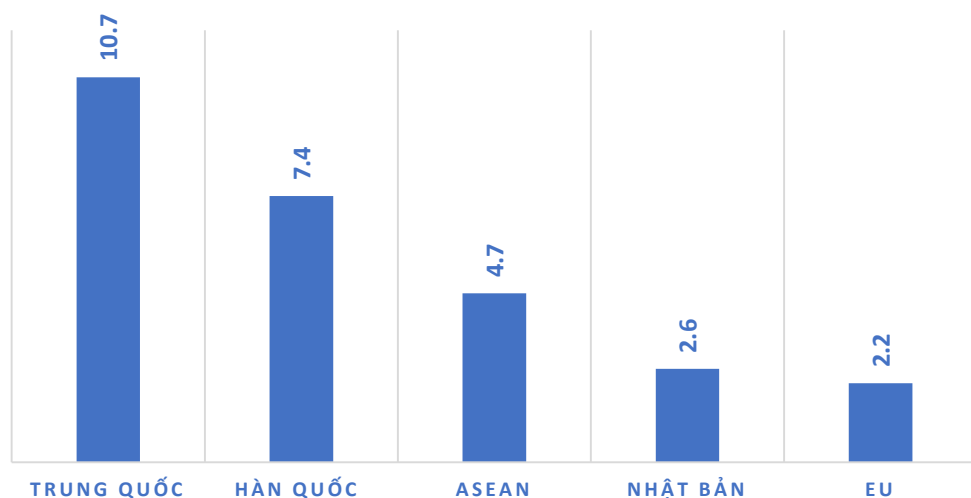
2 tháng đầu năm 2019

Nhập khẩu đạt **36,76 tỷ US**

tăng **▲ 7.5%** so với cùng kỳ năm 2018

- Khu vực kinh tế trong nước NK **15.29 tỷ USD**,
tăng **▲ 11%**
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài NK **21,47 tỷ USD**
tăng **▲ 5,1%**.

THỊ TRƯỜNG NK NHIỀU NHẤT (TỶ USD)



Một số mặt hàng có giá trị kim ngạch nhập khẩu lớn trong 2 tháng

Điện tử, máy tính và linh kiện đạt **7,5 tỷ USD**, tăng **▲ 11,4%**

Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt **5,6 tỷ USD**, tăng **▲ 14,6%**

Điện thoại và linh kiện đạt **2,1 tỷ USD**, giảm **▼ 12,6%**

Vải đạt **2,1 tỷ USD**, tăng **▲ 16%**

Sắt thép đạt **1,4 tỷ USD**, giảm **▼ 1,2%**

Ô tô đạt **1 tỷ USD**, tăng **▲ 105,1%**

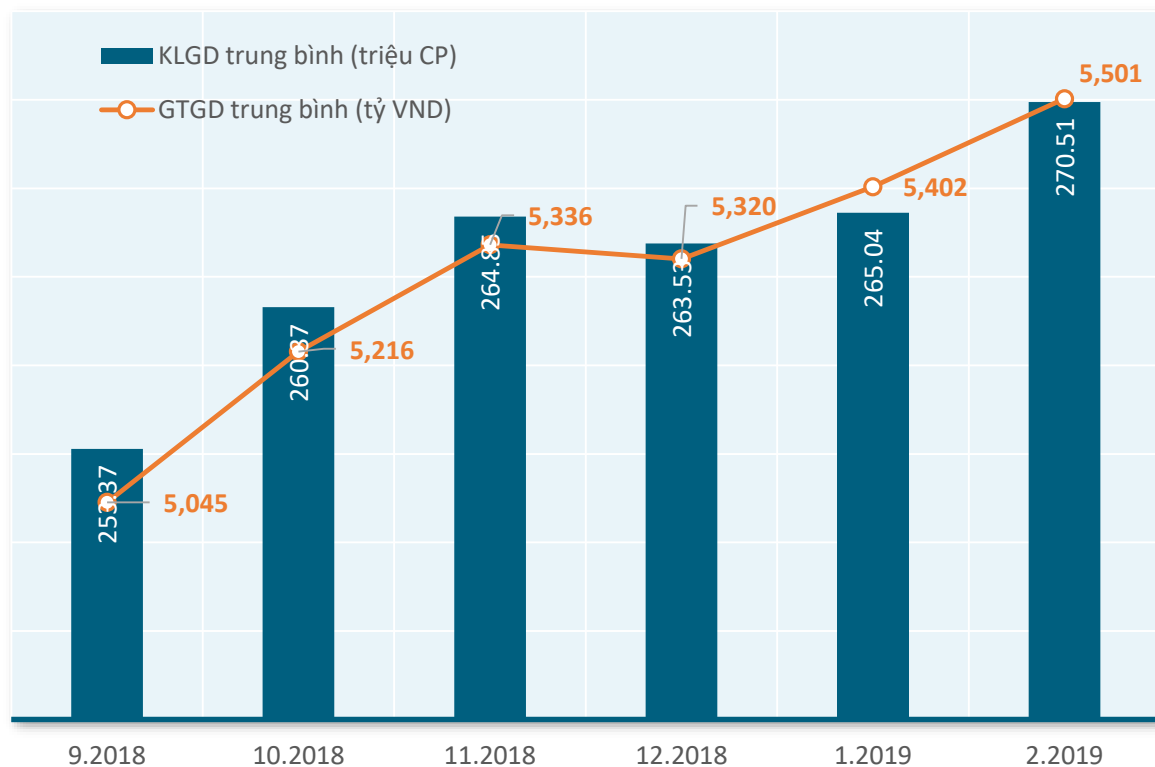
Dầu thô đạt **693 triệu USD**, gấp **▲ 16,6 lần** cùng kỳ năm trước do phục vụ sản xuất của Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

The background of the image is a complex financial chart. It features a dark blue grid. Overlaid on the grid are several data series: a candlestick chart with green and red bars, a solid white line representing a moving average or trend line, a dotted white line, and a teal-colored line at the bottom. In the bottom left corner, the word "Oct" is visible. On the right side, there are some numerical values like "151", "148", and "140" in a light blue font.

Thị trường chứng khoán

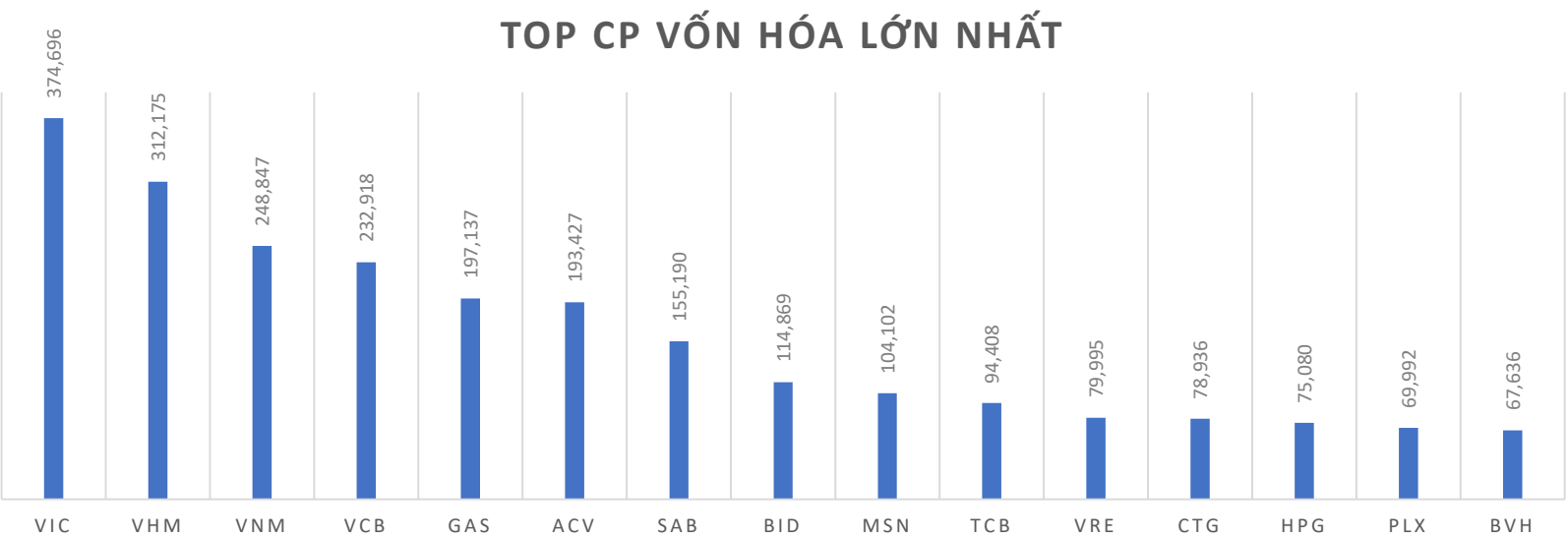
Vnindex 993.99

tăng ▲ **11.5%** so với đầu năm nhưng
vẫn thấp hơn đỉnh cao nhất 1200 khoảng
20%.



Thông tin thị trường

	HOSE	HNX	UPCOM
Số DN niêm yết	386	383	864
CP DLH (tỷ CP)	79.38	13.05	47.10
Vốn hóa (Ngàn tỷ VND)	3,262	203	994
PE	15.5	18.8	18.2
EPS trung bình	3,020	2,164	2,390



Top Cổ Phiếu

Market Cap lớn nhất

- So với đầu năm, các cổ phiếu này tăng giá trung bình ▲ 8.2%.
- Một số CP tăng vượt trội như **VGI, HPG, VRE**
- Nhóm cổ phiếu **VIC, VHM, VRE** tăng trung bình 18%.
- Những cổ phiếu giảm nhẹ **TCB, VJC, MCH, POW, HDB**
- **PE** trung bình của nhóm cổ phiếu này là **21.7**
- **EPS** trung bình **3,571**

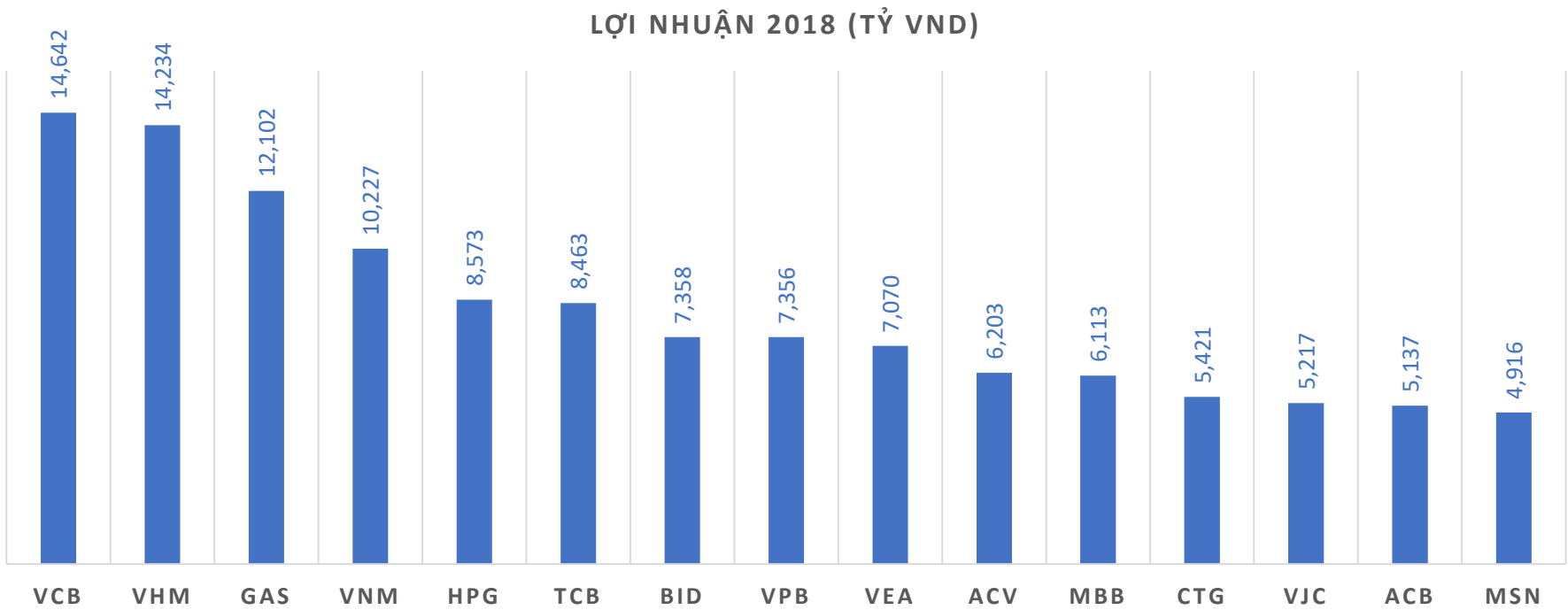
CP	Sàn	Vốn Hóa	Giá	% so với đầu năm	PE	P/Bv	Book Value	EPS
VIC	HOSE	374,696	117,400	18.8%	115.62	7.03	16,708	1,015
VHM	HOSE	312,175	93,200	16.5%	20.16	7.23	12,889	4,624
VNM	HOSE	248,847	142,900	5.9%	24.33	9.65	14,805	5,873
VCB	HOSE	232,918	62,800	11.2%	15.51	3.33	18,870	4,049
GAS	HOSE	197,137	103,000	17.0%	16.29	4.31	23,870	6,323
ACV	UPCOM	193,427	88,900	5.7%	31.18	6.35	14,002	2,849
SAB	HOSE	155,190	242,000	3.9%	37.17	10.32	23,459	6,510
BID	HOSE	114,869	33,600	6.3%	15.61	2.22	15,109	2,152
MSN	HOSE	104,102	89,500	14.2%	19.63	3.53	25,351	4,560
TCB	HOSE	94,408	27,000	-0.7%	11.68	1.83	14,790	2,311
VRE	HOSE	79,995	34,350	18.4%	33.25	2.81	12,225	1,033
CTG	HOSE	78,936	21,200	5.5%	14.56	1.18	18,040	1,456
HPG	HOSE	75,080	35,350	29.5%	8.76	1.85	19,060	4,037
PLX	HOSE	69,992	60,400	12.9%	18.85	3.42	17,677	3,204
BVH	HOSE	67,636	96,500	0.8%	61.70	4.59	21,030	1,564
VEA	UPCOM	66,859	49,900	0.2%	9.46	2.71	18,538	5,321
VJC	HOSE	65,481	120,900	-3.3%	12.55	4.70	25,706	9,632
MCH	UPCOM	63,492	104,100	-3.6%	18.77	5.96	17,472	5,545
HVN	UPCOM	59,938	42,900	10.0%	23.63	3.32	12,739	1,789
NVL	HOSE	55,768	59,500	4.9%	16.43	2.86	20,794	3,622
VPB	HOSE	52,574	21,400	6.7%	7.19	1.51	14,145	2,978
VGI	UPCOM	51,511	23,000	41.1%	-64.43	1.89	12,140	-356
MBB	HOSE	47,854	22,150	1.4%	7.83	1.47	15,109	2,829
BSR	UPCOM	43,736	14,100	8.5%	11.12	1.40	10,062	1,269
GVR	UPCOM	39,524	10,100	0.0%	14.95	0.87	11,351	661
MWG	HOSE	39,438	89,000	7.2%	13.31	4.39	20,258	6,688
POW	HOSE	38,524	16,450	-0.6%	21.37	1.57	10,474	770
ACB	HNX	37,914	30,400	3.1%	8.18	1.80	16,853	3,717
HDB	HOSE	29,822	30,400	-0.3%	10.49	1.91	15,938	2,897
FPT	HOSE	27,610	45,000	5.6%	10.55	2.22	20,310	4,266

Kết quả kinh doanh 2018

	HOSE	HNX	UPCOM
Doanh thu 2018 (ngàn tỷ)	1632	304	799
Lợi nhuận 2018 (ngàn tỷ)	192	20	54

Dựa trên 1104 DN đã công bố kết quả kinh doanh

Top CP lợi nhuận tốt nhất



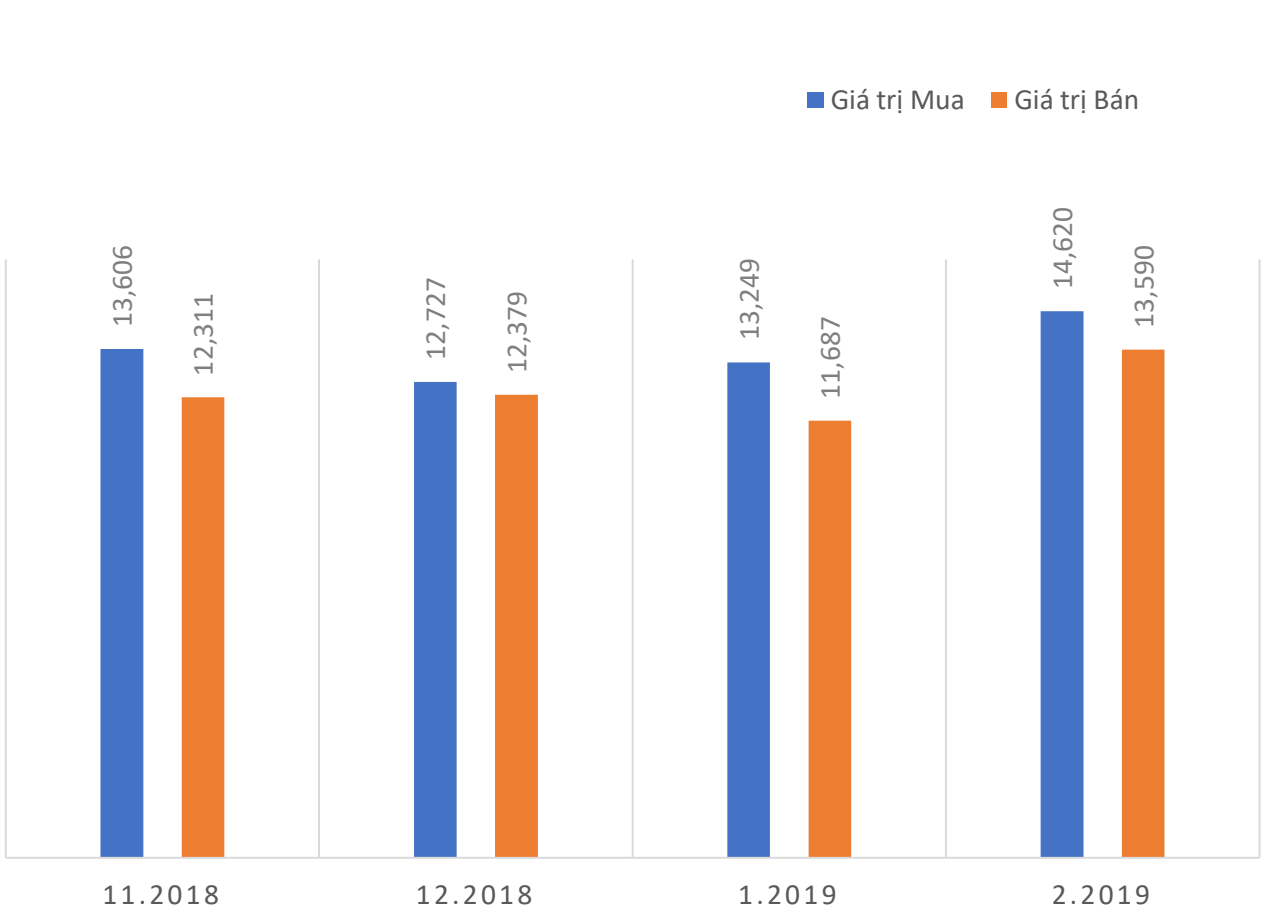
Kết quả kinh doanh theo ngành

Tỷ VND

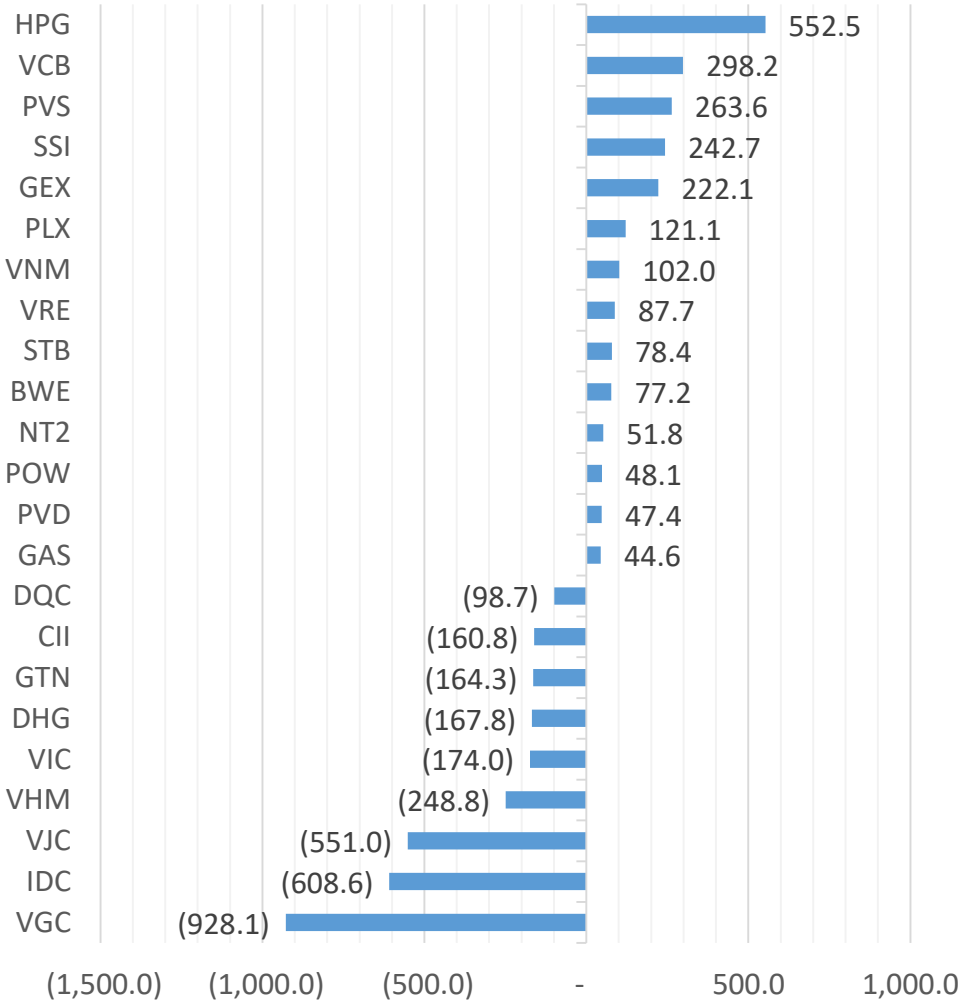
Ngành	Số DN	Vốn Hóa	Doanh thu 2017	Doanh thu 2018	Tăng trưởng DT	Lợi nhuận 2017	Lợi nhuận 2018	Tăng trưởng LN
Bán lẻ	19	48,277	120,686	146,510	21.4%	2,958	3,826	29.3%
Bảo hiểm	11	89,227				3,092	2,737	-11.5%
Bất động sản	98	984,976	216,263	289,844	34.0%	21,997	39,290	78.6%
Công nghệ Thông tin	25	34,764	60,359	41,686	-30.9%	3,508	3,271	-6.8%
Dầu khí	9	147,753	321,470	390,262	21.4%	12,544	8,956	-28.6%
Dịch vụ tài chính	39	57,219	18,457	22,525	22.0%	4,718	5,742	21.7%
Điện, nước & xăng dầu	104	345,827	204,912	231,196	12.8%	21,538	23,927	11.1%
Du lịch và Giải trí	34	151,424	146,738	172,223	17.4%	8,805	8,928	1.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	164	400,302	172,473	192,861	11.8%	19,577	25,470	30.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	49	52,722	99,357	111,381	12.1%	4,377	5,256	20.1%
Hóa chất	52	91,433	84,844	121,714	43.5%	4,567	8,625	88.9%
Ngân hàng	17	801,937				51,406	67,365	31.0%
Ô tô và phụ tùng	12	17,187	36,598	36,270	-0.9%	1,064	956	-10.2%
Tài nguyên Cơ bản	81	144,280	246,788	291,085	17.9%	15,727	12,733	-19.0%
Thực phẩm và đồ uống	97	706,685	306,821	329,190	7.3%	27,659	32,561	17.7%
Truyền thông	31	28,727	5,800	7,096	22.3%	461	830	80.0%
Viễn thông	5	63,761	31,265	26,983	-13.7%	907	343	-62.2%
Xây dựng và Vật liệu	223	170,867	265,652	274,539	3.3%	17,477	13,484	-22.8%
Y tế	34	45,175	51,261	50,658	-1.2%	2,850	2,906	2.0%

Giao dịch nhà Đầu tư nước ngoài

Giá trị mua bán theo tháng (tỷ VND)



Mua bán ròng 10 phiên gần nhất (tỷ VND)





Khuyến cáo

BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
Tel: 0983.999.350
khanhnh@vise.com.vn

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.